

VX-230 Series

Máy bộ đàm cầm tay VHF/UHF

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA SẢN PHẨM

Máy bộ đàm nhỏ gọn với pin sạc Li-lon có thời lượng sử dụng lâu

Máy bộ đàm Vertex Standard VX-231 với băng tần rộng, thêm nhiều tính năng báo hiệu và những cải tiến phù hợp với khoa học lao động sẽ giúp bạn tăng cường hiệu quả hoàn vốn đầu tư.

Tính cơ động được cải tiến

VX-231 là loại máy bộ đàm hoàn toàn không gây cản trở cho bạn khi sử dụng vì kích thước và trọng lượng của nó là rất nhỏ nhẹ, giúp dễ dàng mang theo để phục vụ cho công việc của bạn.

Năng lượng pin cao hơn

Được thiết kế để sử dụng công nghệ pin sạc Li-lon tiên tiến cho thời lượng sử dụng pin lâu hơn, bao gồm một pin sạc 1150 mAh cung cấp cho 9 giờ làm việc liên tục khi hoạt động ở chế độ tiết kiệm pin.

Băng tần rộng hơn tăng thêm giá trị sử dụng

Là máy bộ đàm được thiết kế để sử dụng cho cả băng tần VHF và UHF, mang lại thêm các tùy chọn mở rộng trong việc sử dụng tần số.

Nhiều tùy chọn quét hơn

Trong khi nhiều máy bộ đàm chỉ cung cấp 1 hoặc 2 tùy chọn quét thì VX-231 cung cấp tới 4 tùy chọn quét bổ sung đáp ứng những mong đợi của bạn về một dòng máy bộ đàm với sự thuận tiện và tính linh hoạt cao hơn. Các tùy chọn bao gồm quét Ưu tiên, Theo dõi kép, Follow Me và Talk Around.

ARTS™ - Hệ thống Phát Đáp tự động cảnh báo cự ly liên lạc độc đáo

Chỉ duy nhất các máy bộ đàm của hãng Vertex Standard được thiết kế với khả năng nhận định việc máy của bạn và một trạm khác được trang bị ARTS™ có nằm trong cự ly liên lạc hay không. Nếu nằm ngoài cự ly trong khoảng thời gian từ 2 phút trở lên, máy bộ đàm sẽ báo không thu được tín hiệu và đồng thời phát tiếng bíp cảnh báo cho bạn. Trạm gốc khi đó có thể thông báo tình trạng với máy thành viên để người sử dụng di chuyển trở lại cự ly liên lạc cho phép. Đây là một giải pháp tuyệt vời để đảm bảo các nhân sự của bạn luôn trong tầm phối hợp.



Sự khác biệt của Vertex Standard

Mục tiêu số một của chúng tôi là mang đến sự hài lòng tuyệt đối cho khách hàng bằng việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ vượt trên cả sự mong đợi của bạn. Bạn sẽ hoàn toàn tin tưởng vào Vertex Standard vì các sản phẩm bộ đàm của hãng được chế tạo để vận hành lâu bền và được thiết kế để mang lại nhiều tính năng giúp tăng hiệu quả hoàn vốn đầu tư của bạn.

Xin vui lòng tham khảo thông tin chi tiết từ Nhà Phân Phối

Các tính năng bổ sung

- Dung lượng 16 kênh
- 2 phím lập trình được
- Độ giãn cách kênh linh hoạt từ 12.5 kHz đến 25 kHz
- Tùy chọn tiết kiệm pin
- Cảnh báo khẩn cấp
- Hỗ trợ người sử dụng đơn lẻ
- DTMF ANI
- Quay số nhanh DTMF
- Mã hóa và giải mã 5-Tone / 2-Tone
- Mã hóa và giải mã CTCSS / DCS
- Hiệu chỉnh mức squelch bằng tay
- Sao chép thông số cài đặt trực tiếp giữa các máy

Phụ kiện

- MH-450S: Microphone có loa
- MH-360S: Microphone có loa nhỏ gọn
- MH-45B4B: Microphone có loa chống ồn
- MH-37A4B: Microphone nhét trong tai
- VH-115S: Tai nghe quàng sau đầu với micro có cần
- VH-215S: Tai nghe quàng trên đầu với ống nghe đơn có đệm tai
- VC-25: Tai nghe quàng trên đầu có VOX
- FNB-V104LI: Pin sạc 2000 mAh Li-Ion
- FNB-V106: Pin sạc 1200 mAh Ni-MH
- FNB-V103LI: Pin sạc 1150 mAh Li-Ion
- VAC-300: Bộ sạc nhanh để bàn (chỉ dùng cho pin Li-Ion)
- VAC-20: Bộ sạc để bàn (FNB-V106)
- DCM-1: Bộ đổi nguồn treo tường cho sạc để bàn
- VCM-3: Bộ tiếp hợp lắp trên xe (cho VAC-20)
- VCM-2: Bộ tiếp hợp lắp trên xe (cho VAC-300)
- VAC-6020: Bộ sạc nhanh 6 pin (FNB-V106)
- VAC-6300: Bộ sạc nhanh 6 pin (chỉ dùng cho pin Li-Ion)
- LCC-350: Bao da
- LCC-350S: Bao da với bộ kẹp thất lưng xoay được
- CLIP-18: Kẹp thất lưng
- CLIP-17E: Kẹp thất lưng xoay được

Chỉ tiêu kỹ thuật của VX-230

	VHF	UHF
Chỉ tiêu kỹ thuật chung		
Dải tần số	134 – 174 MHz	400 - 470 MHz; 450 - 520 MHz
Số kênh	16	
Điện áp nguồn	7.4 V DC ±20%	
Khoảng cách kênh	12.5/20/25 kHz	
Bước vòng khóa pha	5/6.25 KHz	
Thời gian sử dụng pin (chu kỳ 5-5-90)		
1150mAh FNB-V103L	9 giờ (7.3 giờ không dùng chế độ tiết kiệm)	
1200mAh FNB-V106	9 giờ (7.3 giờ không dùng chế độ tiết kiệm)	
2000mAh FNB-V104LI	16.5 giờ (13.5 giờ không dùng chế độ tiết kiệm)	
Mức độ bảo vệ chống thâm nhập	IP54	
Dải nhiệt độ vận hành	từ -30° C đến +60°C	
Độ ổn định tần số	±2.5 ppm	
Trở kháng RF Vào-Ra	50 Ohms	
Kích cỡ (Cao x Rộng x Dày)	110 x 58 x 30 mm (với pin FNB-V103LI)	
Trọng lượng (Xấp xỉ)	285g (với pin FNB-V103LI, anten, kẹp thất lưng)	
Chỉ tiêu kỹ thuật máy thu đo lường theo TIA/EIA-603		
Độ nhạy (12dB SINAD)	0.25µV điển hình	
Độ chọn lọc kênh lân cận	65 / 60 dB 25 kHz / 12.5 kHz	
Biến điệu tương hỗ	65 / 60 dB 25 kHz / 12.5 kHz	
Loại trừ tín hiệu giả và tần số ảnh	65 dB	
Công suất âm thanh	500mW @ 4 Ohms 5% THD	
Chỉ tiêu kỹ thuật máy phát đo lường theo EN 300 086		
Công suất đầu ra	5 / 1 W	
Kiểu điều chế	16K0F3E, 11K0F3E	
Bức xạ tín hiệu giả truyền dẫn	65 dB dưới sóng mang	
Nhiều và tiếng rit FM	45 / 40 dB 25 kHz / 12.5 kHz	
Độ méo âm tần	< 3 % @ 1 kHz	

Các tiêu chuẩn quân sự áp dụng

Tiêu chuẩn	Các phương pháp/ thủ tục MIL 810C	Các phương pháp/ thủ tục MIL 810D	Các phương pháp/ thủ tục MIL 810E	Các phương pháp/ thủ tục MIL 810F
Áp suất thấp	500.1/Thủ tục I	500.2/Thủ tục I, II	500.3/Thủ tục I, II	500.4/Thủ tục I, II
Nhiệt độ cao	501.1/Thủ tục I	501.2/Thủ tục I, II	501.3/Thủ tục I, II	501.4/Thủ tục I, II
Nhiệt độ thấp	502.1/Thủ tục I	502.2/Thủ tục I	502.3/Thủ tục I, II	502.4/Thủ tục I, II
Độ biến nhiệt độ	503.1/Thủ tục I	503.2/Thủ tục I	503.3/Thủ tục I	503.4/Thủ tục I, II
Bức xạ mặt trời	505.1/Thủ tục I	505.2/Thủ tục I Hàng A1	505.2/Thủ tục I Hàng A1	505.4/Thủ tục I Hàng A1
Mưa	506.1/Thủ tục I, II	506.2/Thủ tục I, II	506.3/Thủ tục I, II	506.4/Thủ tục I, III
Độ ẩm	507.1/Thủ tục I, II	507.2/Thủ tục II, III	507.3/Thủ tục II, III	507.4/Thủ tục I
Sương muối	509.1/Thủ tục I	509.2/Thủ tục I	509.3/Thủ tục I	509.4/Thủ tục I
Bụi	510.1/Thủ tục I	510.2/Thủ tục I	510.3/Thủ tục I	510.4/Thủ tục I, III
Rung xóc	514.2/Thủ tục X	514.3/Thủ tục I Hàng 10	514.4/Thủ tục I Hàng 10	514.4/Thủ tục I Hàng 24
Va đập	516.2/Thủ tục I, II, V	516.3/Thủ tục I, IV	516.4/Thủ tục I, IV	516.5/Thủ tục I, V